

CÔNG TY CỔ PHẦN
DRH HOLDINGS
DRH HOLDINGS JSC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 27/2026/DRH-CBTT

TP. HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 29, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS/ *DRH HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 67 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ *67, Ham Nghi Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771
- Fax: 028. 3822 3727
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ngô Đức Sơn

Chức vụ/ *Position*: Thành viên Hội đồng quản trị/ *Member of BOD*

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☒ Periodic ☐ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 / *Disclosure regarding Consolidated financial Statement of Quarter 2- 2026.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn: <http://www.drh.vn>

This information was disclosed on Company's Portal on July 29, 2026 Available at: <http://www.drh.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Người UQ CBTT 

Party authorized to disclose information



NGÔ ĐỨC SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026



Tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2 -3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	06 - 17

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.309.919.089.078	3.166.428.155.900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.899.880.009	96.244.653.962
1. Tiền	111		2.899.880.009	96.244.653.962
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		357.671.400.000	262.108.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		357.671.400.000	262.108.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.474.788.979.136	1.390.200.203.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	50.841.496.432	52.533.548.992
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		149.607.212.630	166.262.068.564
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	10	1.279.268.020.074	1.176.332.335.774
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(4.927.750.000)	(4.927.750.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.438.923.145.164	1.390.031.322.375
1. Hàng tồn kho	141	8	1.438.923.145.164	1.390.031.322.375
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		35.635.684.769	27.843.976.233
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12	994.998.684	1.010.148.685
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		34.030.163.072	26.817.598.496
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		610.523.013	16.229.052
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.143.522.542.659	1.121.302.842.801
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.869.324.000	1.869.324.000
5. Phải thu dài hạn khác	215	10	1.869.324.000	1.869.324.000
II. Tài sản cố định	220		131.035.651	191.513.653
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	131.035.651	191.513.653
- Nguyên giá	222		1.886.306.317	1.886.306.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.755.270.666)	(1.694.792.664)
- Nguyên giá	228		2.217.956.190	2.217.956.190
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.217.956.190)	(2.217.956.190)
IV. Bất động sản đầu tư	240		83.482.572.739	84.511.247.042
- Nguyên giá	241		94.797.990.060	94.797.990.060
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(11.315.417.321)	(10.286.743.018)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	7	861.175.453.497	837.752.454.664
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		860.348.453.497	837.553.054.664
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		827.000.000	199.400.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		196.864.156.772	196.978.303.442
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12	184.927.477.021	185.041.623.691
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		11.936.679.751	11.936.679.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		4.453.441.631.737	4.287.730.998.701

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.168.485.215.967	2.964.241.992.973
I. Nợ ngắn hạn	310		3.161.155.512.334	2.956.912.289.340
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	130.892.419.360	83.140.463.730
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		773.836.683.359	666.324.580.417
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	14	74.292.542.057	71.308.832.492
5. Phải trả người lao động	315		13.222.601.634	13.217.566.965
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	608.478.207.776	587.577.996.963
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	16	794.943.847.152	784.788.527.821
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	17	753.218.701.418	738.247.811.374
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.270.509.578	12.306.509.578
II. Nợ dài hạn	330		7.329.703.633	7.329.703.633
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		3.742.333.143	3.742.333.143
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		3.587.370.490	3.587.370.490
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	18	1.284.956.415.770	1.323.489.005.728
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.243.538.660.000	1.243.538.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.243.538.660.000	1.243.538.660.000
2. Thặng dư vốn	412		120.132.866.000	120.132.866.000
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(6.460.000.000)	(6.460.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.564.185.852	19.564.185.852
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(103.574.875.380)	(65.058.706.130)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(65.058.706.130)	(80.703.855.706)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(38.516.169.250)	15.645.149.576
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.755.579.298	11.772.000.006
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.453.441.631.737	4.287.730.998.701

Phê duyệt, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng

Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc

Ngô Đức Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Lũy kế kỳ này VND	Lũy kế kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	954.300.395	837.057.658	1.812.706.292	1.811.670.250
Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		954.300.395	837.057.658	1.812.706.292	1.811.670.250
Giá vốn hàng bán	11	20	1.770.273.594	1.806.118.994	3.552.021.853	3.453.636.668
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(815.973.199)	(969.061.336)	(1.739.315.561)	(1.641.966.418)
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
Doanh thu hoạt động tài chính	22	21	8.330.778.051	7.784.792.312	16.075.257.496	15.505.117.577
Chi phí tài chính	23	22	33.128.278.299	31.863.137.391	65.973.721.977	67.162.468.714
Trong đó: Chi phí đi vay	24		32.822.910.571	30.422.299.967	65.200.606.194	65.374.806.997
Chi phí bán hàng	25				-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.047.038.048	4.466.773.527	7.719.773.746	8.410.650.927
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		17.287.124.765	7.084.296.576	22.795.398.833	14.248.446.780
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21+(22-23)-(25+26)+27)	30	24	(12.373.386.730)	(22.429.883.366)	(36.562.154.955)	(47.461.521.702)
Thu nhập khác	31	24	19.474.560	40.852.399	19.474.560	40.852.399
Chi phí khác	32		522.904.580	1.132.102	542.557.767	46.136.446
Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(503.430.020)	39.720.297	(523.083.207)	(5.284.047)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(12.876.816.750)	(22.390.163.069)	(37.085.238.162)	(47.466.805.749)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		726.166.871	500.340.841	1.447.351.795	1.223.921.471
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.685.734.468		1.696.666.406
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	25	(13.602.983.621)	(24.576.238.378)	(38.532.589.957)	(50.387.393.626)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	25	(13.595.368.663)	(24.559.459.440)	(38.516.169.250)	(50.363.228.575)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(7.614.958)	(16.778.937)	(16.420.707)	(24.165.051)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(110)	(199)	(110)	(407)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(110)	(199)	(110)	(407)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám đốc



Ngô Đức Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2026

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(37.085.238.162)	(47.466.805.749)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.089.152.305	1.089.152.305
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(22.798.154.354)	(29.727.315.418)
- Chi phí lãi vay	06	65.200.606.194	65.374.806.997
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.406.365.983	(10.730.161.865)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(92.395.634.343)	(19.738.370.850)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(48.891.822.789)	(35.768.150.850)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	122.660.369.786	112.325.742.401
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	129.296.671	(2.482.893)
- Chi phí lãi vay đã trả	14		(14.456.042.348)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(35.994.826)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.127.419.518)	31.630.533.595
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(96.191.000.000)	(123.400.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.755.521	3.450.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(96.188.244.479)	(119.949.597)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	112.675.910.011	76.246.321.497
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97.705.019.967)	(96.779.231.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	14.970.890.044	(20.532.909.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(93.344.773.953)	10.977.674.260
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.244.653.962	93.650.650
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.899.880.009	11.071.324.910

Phê duyệt, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần



Tổng Giám đốc

Ngô Đức Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần DRH Holdings, trước đây là Công ty cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ Ước (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0304266964 cấp ngày 6/3/2006 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.243.538.660.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: 67 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP.HCM

Ngày 13 tháng 07 năm 2010, Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu DRH.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là đầu tư tài chính, kinh doanh và môi giới bất động sản.

1.2 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 03 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp, 01 công ty liên kết.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 thay thế cho Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho quý 2 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu

của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm

giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

5.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình và vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Thiết bị quản lý	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

5.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

5.7 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Các loại thuế được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.9 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Tiền	2.899.880.009	96.244.653.962
Tổng cộng	2.899.880.009	96.244.653.962

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Cty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Tổng cộng (VND)
Giá trị đầu tư :		
Tại 01/01/2026	499.509.978.844	499.509.978.844
Tại 30/06/2026	499.509.978.844	499.509.978.844
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		
Tại 01/01/2026	338.043.075.820	338.043.075.820
Phần lợi nhuận công ty liên kết trong kỳ	22.795.398.833	22.795.398.833
Tại 30/06/2026	360.838.474.653	360.838.474.653
Giá trị còn lại :		
Tại 01/01/2026	837.553.054.664	837.553.054.664
Tại 30/06/2026	860.348.453.497	860.348.453.497

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Bất động sản dở dang	1.438.923.145.164	1.390.031.322.375
Tổng cộng	1.438.923.145.164	1.390.031.322.375

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.841.496.432	52.533.548.992
Tổng cộng	50.841.496.432	52.533.548.992

10. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Ngắn hạn	1.279.268.020.074	1.176.332.335.774
Dài hạn	1.869.324.000	1.869.324.000
Tổng cộng	1.281.137.344.074	1.178.201.659.774

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại 01/01/2026	103.832.610	-	1.782.473.707	1.886.306.317
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại 30/06/2026	103.832.610	-	1.782.473.707	1.886.306.317
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2026	103.832.610		1.590.960.054	1.694.792.664
Khấu hao trong kỳ	-	-	60.478.002	60.478.002
Tại 30/06/2026	103.832.610	-	1.651.438.056	1.755.270.666
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2026	0	0	191.513.653	191.513.653
Tại 30/06/2026	0	0	131.035.651	131.035.651

12. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Ngắn hạn	994.998.684	1.010.148.685
Dài hạn	184.927.477.021	185.041.623.691
Tổng cộng	185.922.475.705	186.051.772.376

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Phải trả người bán	130.892.419.360	83.140.463.730
Tổng cộng	130.892.419.360	83.140.463.730

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.821.944.579	-	80.515.300	4.741.429.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.337.465.690	1.447.351.795	-	56.784.817.485
Thuế thu nhập cá nhân	1.435.978.527	572.140.567	704.026.733	1.304.092.361
Các khoản phải nộp khác	9.713.443.696	1.757.363.105	8.603.869	11.462.202.932
Tổng cộng	71.308.832.492	3.776.855.467	793.145.902	74.292.542.057

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Trích trước chi phí phải trả trong kỳ	608.478.207.776	587.577.996.963
Tổng cộng	608.478.207.776	587.577.996.963

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2026	Tại 01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	794.943.847.152	784.788.527.821
Tổng cộng	794.943.847.152	784.788.527.821

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2026	Tăng	Giảm	Tại 01/01/2026
Vay ngắn hạn	753.218.701.418	112.675.910.011	97.705.019.967	738.247.811.374
Tổng cộng	753.218.701.418	112.675.910.011	97.705.019.967	738.247.811.374

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2026	1.243.538.660.000	120.132.866.000	19.564.185.852	(65.058.706.130)	11.772.000.006	1.323.489.005.728
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	(38.516.169.250)	(16.420.708)	(38.532.589.958)
Tại 30/06/2026	1.243.538.660.000	120.132.866.000	19.564.185.852	(103.574.875.380)	11.755.579.298	1.284.956.415.770

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026 VND	Tại 01/04/2025- 30/06/2025 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	954.300.395	837.057.658
Tổng cộng	954.300.395	837.057.658

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026 VND	Tại 01/04/2025- 30/06/2025 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.770.273.594	1.806.118.994
Tổng cộng	1.770.273.594	1.806.118.994

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026 VND	Tại 01/04/2025- 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi	2.696.627	265.998
Lãi cho vay	6.027.039.718	5.506.592.264
Khác	2.301.041.706	2.277.934.050
Tổng cộng	8.330.778.051	7.784.792.312

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026 VND	Tại 01/04/2025- 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	32.377.695.623	30.422.299.967
Dự phòng đầu tư tài chính	31.500.000	-
Khác	719.082.676	1.440.837.424
Tổng cộng	33.128.278.299	31.863.137.391

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026 VND	Tại 01/04/2025- 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên	3.023.587.227	2.927.122.099
Chi phí khấu hao và hao mòn	544.576.153	544.576.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.610.467	773.634.266
Chi phí khác	62.264.201	221.441.009
Tổng cộng	4.047.038.048	4.466.773.527

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026 VND	Tại 01/04/2025- 30/06/2025 VND
Thu nhập khác	19.474.560	40.852.399
Chi phí khác	522.904.580	1.132.102
Lợi nhuận khác	(503.430.020)	39.720.297

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Tại 01/04/2026- 30/06/2026	Tại 01/04/2025- 30/06/2025
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(13.595.368.663)	(24.559.459.440)
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	123.707.866	123.707.866
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(110)	(199)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(110)	(199)

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Từ 01/04/25-30/06/25

Doanh thu thuần bộ phận

Tổng doanh thu thuần

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu tài chính

Phần lãi trong công ty liên kết

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Lợi nhuận trước thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**Tổng tài sản****Tổng nợ phải trả**

Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu bán bất động sản VND	Doanh thu bán hàng VND	Cộng VND
837.057.658	-	-	837.057.658
(1.806.118.994)	-	-	(1.806.118.994)
(969.061.336)	-	-	(969.061.336)
			(4.466.773.527)
			(5.435.834.863)
			7.784.792.312
			7.084.296.576
			(31.863.137.391)
			40.852.399
			(1.132.102)
			(22.390.163.069)
			(500.340.841)
			(1.685.734.468)
			(24.576.238.378)
			3.994.457.067.528
			2.738.120.524.581

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/04/26-30/06/26

Doanh thu thuần bộ phận

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu tài chính

Phần lãi trong công ty liên kết

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Lợi nhuận trước thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng tài sản

Tổng nợ phải trả

Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu bán bất động sản	Doanh thu bán hàng	Cộng
VND	VND	VND	VND
954.300.395	-	-	954.300.395
(1.770.273.594)	-	-	(1.770.273.594)
(815.973.199)	-	-	(815.973.199)
			(4.047.038.048)
			(4.863.011.247)
			8.330.778.051
			17.287.124.765
			(33.128.278.299)
			19.474.560
			(522.904.580)
			(12.876.816.750)
			(726.166.871)
			(13.602.983.621)
			4.453.441.631.737
			3.168.485.215.967

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2026 VND	Tại 01/01/2026 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.899.880.009	96.244.653.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.178.875.053.136	1.094.286.277.330
Tổng cộng	1.181.774.933.145	1.190.530.931.292
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	753.218.701.418	738.247.811.374
Phải trả người bán và phải trả khác	1.699.672.949.871	1.547.471.138.933
Chi phí phải trả	608.478.207.776	587.577.996.963
Tổng cộng	3.061.369.859.065	2.873.296.947.270

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2026			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.699.672.949.871	-	1.699.672.949.871
Chi phí phải trả	608.478.207.776	-	608.478.207.776
Vay và nợ thuê tài chính	753.218.701.418	-	753.218.701.418
Cộng	3.061.369.859.065	-	3.061.369.859.065
Tại 01/01/2026			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.547.471.138.933	-	1.547.471.138.933
Chi phí phải trả	587.577.996.963	-	587.577.996.963
Vay và nợ thuê tài chính	738.247.811.374	-	738.247.811.374
Cộng	2.873.296.947.270	-	2.873.296.947.270

CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ 01/04/26 đến 30/06/26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2026			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.899.880.009	-	2.899.880.009
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.178.875.053.136	-	1.178.875.053.136
Cộng	1.181.774.933.145	-	1.181.774.933.145
Tại 01/01/2026			
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.244.653.962	-	96.244.653.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.094.286.277.330	-	1.094.286.277.330
Cộng	1.190.530.931.292	-	1.190.530.931.292

Phê duyệt, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Phạm Thị Mai Nương

Kế toán trưởng



Lê Thị Thuần

Tổng Giám Đốc



Ngô Đức Sơn

